

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 12 - 2022

V/v: *Ly hôn giữa ông Bùi Ngọc K và bà Bùi
Thị X*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V , TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

2. Bà Nguyễn Thị Bình;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXX - ST ngày 17 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc K, sinh năm 1960;

Địa chỉ cư trú: Thôn B cũ (nay là thôn x), xã T, huyện Đ, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị X, sinh năm 1965;

Nơi ĐKKHKT: thôn S, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình;

(Ông K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Bà X vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2022, bản tự khai đề ngày 14 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Trần Ngọc K trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Bùi Thị X kết hôn tự nguyện, đăng ký tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 15 tháng 9 năm 1983. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hòa thuận đến năm 2000 thì bà X đi làm kinh tế ở Cộng hòa liên bang Nga. Kể từ thời gian đó bà X cũng không liên lạc, quan tâm gì đến bố, con ông ở nhà. Năm 2010, bà X trở về Việt Nam và sinh sống tại thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình (nhà bố mẹ đẻ của bà X). Do chán nản nên ông đã vào thôn x, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông làm ăn và sinh sống tại đó từ năm 2010 đến nay. Nay ông xác định tình cảm giữa ông và bà X không còn, ông bà sống ly thân đã quá lâu (từ năm 2000 đến nay), không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà X.

1.2 Về nuôi con chung: Vợ chồng ông có 03 con chung. Con lớn là Trần Xuân C, sinh năm 1984 (Đã chết năm 2004); con thứ hai là Trần Xuân C. sinh ngày 13 tháng 7 năm 1987; con thứ ba là Trần Ngọc A, sinh ngày 28 tháng 02 năm 1990. Sau khi ly hôn, do các con C và Ngọc A đều đã thành niên và tự lập được về kinh tế nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

1.3 Về chia tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng ông không vay nợ chung ai hay bất cứ cơ quan, tổ chức xã hội nào khác nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Biên bản lấy lời khai tại gia đình bà Bùi Thị X ngày 03 tháng 11 năm 2022, bị đơn là bà Bùi Thị X trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn đúng như ông K đã trình bày. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do ông K không chung thủy với bà, hai bên quan điểm bất đồng. Vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ năm 2000. Bà và ông K sống ly thân, mỗi người một nơi. Năm 2010, bà từ Nga trở về Việt Nam, bà đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình, bà X cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Về nuôi con chung: Bà X trình bày đúng như ông K. Con Trần Xuân C (Đã chết). Con C và con Ngọc A đều đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 03 tháng 11 năm 2022, bà Trần Thị H (là mẹ đẻ của ông K) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà X kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã V. Quá trình chung sống bà X đi lao động xuất khẩu ở Nga. Sau khi về nước, bà X lại về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Ông bà sống ly thân gần 20 năm nay, không liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Nay ông K có đơn xin ly hôn bà X, bà H không có ý kiến gì, tùy ông K và bà X quyết định vì ông bà sống ly thân đã quá lâu, gia đình bà cũng đã động viên, khuyên bảo nhưng không có kết quả. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông K và bà X có 03 con chung đúng như ông K đã trình bày. Cháu Trần Xuân C, sinh năm 1984 (Đã chết năm 2004); còn cháu Trần Xuân C và cháu Trần Ngọc A đều đã thành niên, đi xây dựng gia đình nên bà H không có đề nghị gì.

Về tài sản chung: Đề nghị Tòa án căn cứ vào lời trình bày của ông K và bà X để giải quyết theo pháp luật. Ông K và bà X không có nợ chung, cũng không cho ai vay nợ tài sản gì.

4. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, địa phương cung cấp như sau: ông K và bà X chung sống không hạnh phúc, do kinh tế gia đình khó khăn bà X đã phải đi lao động tại Cộng hòa liên Bang Nga, từ đó bà X không quay trở về với ông K. Khi về nước, bà X về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn V, xã V. Ông bà sống ly thân đã quá lâu, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết cho ông K được ly hôn bà X. Về con chung: các con của ông K và bà X đều đã thành niên, đi xây dựng gia đình và tự lập được về kinh tế. Về tài sản: địa phương không rõ ông K và bà X có tài sản gì chung, ông bà K, X cũng không vay nợ chung tổ chức xã hội nào tại địa phương.

Ngoài ra, địa phương còn cung cấp thêm: Bà X hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

5. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, địa phương cung cấp như sau: ông K và bà X mâu thuẫn cụ thể thế nào địa phương không rõ. Địa phương chỉ biết có thông tin là do ông K không chung thủy với bà X. Từ năm 2010 bà X đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn V, xã V nhưng không đăng ký hộ khẩu tại địa phương. Hiện nay bố mẹ đẻ bà X đều đã chết. Nay ông K xin ly hôn bà X, địa phương nhận thấy hai ông bà sống ly thân đã quá lâu, đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân và quy định của pháp luật để giải quyết.

Về con chung: do các con chung không đăng ký khai sinh tại địa phương nên địa phương không có thông tin cá nhân của từng con. Địa phương chỉ biết các con đều đã thành niên, đi xây dựng gia đình và tự lập được về kinh tế. Về tài sản: địa phương không rõ ông bà có tài sản gì chung, ông K và bà X cũng không vay nợ chung tổ chức xã hội nào của địa phương.

*** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, Bị đơn đã thực hiện đúng một phần quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho ông Trần Ngọc K được ly hôn bà Bùi Thị X.

+ Về nuôi con chung: Do con thứ nhất là Trần Xuân C (Đã chết); con thứ hai là Trần Xuân C, sinh ngày 13 tháng 7 năm 1987; con thứ ba là Trần Ngọc A, sinh ngày 28 tháng 02 năm 1990 đều đã thành niên và tự lập về kinh tế nên không đặt ra giải quyết.

+ Về chia tài sản chung: Ông K và bà X không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Án phí: Ông Ký phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Trần Ngọc K có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Bùi Thị X có hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Theo đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn”. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[1.2] Nguyên đơn, ông Trần Ngọc K có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] **Quan hệ hôn nhân:** Ông Trần Ngọc K và bà Bùi Thị X đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 15 tháng 9 năm 1983 là hôn

nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, theo ông K là năm 2000 thì bà X đi làm kinh tế ở Cộng hòa liên bang Nga và kể từ đó bà X cũng không liên lạc, quan tâm gì đến bố con ông ở nhà. Theo bà X là do ông K không chung thủy với bà dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Khi bà X trở về Việt Nam cũng không tìm gặp bố con ông mà lại về sinh sống tại nhà của bố mẹ đẻ bà X ở thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình. Ông K và bà X sống ly thân mỗi người một nơi đã hơn 20 năm nay, không ai quan tâm đến ai.

Qua xác minh tại UBND xã V và UBND xã V cũng thể hiện ông K và bà X sống ly thân nhau mỗi người một nơi đã lâu.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của ông K và bà X đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho ông Trần Ngọc K được ly hôn bà Bùi Thị X.

[2.2] Về nuôi con chung: Ông K và bà X đều xác định con Trần Xuân C, sinh năm 1984 (Đã chết năm 2004); Các con Trần Xuân C và Trần Ngọc A đều đã thành niên và tự lập được về kinh tế nên ông, bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Ông Trần Ngọc K và bà Bùi Thị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông K phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Trần Ngọc K được ly hôn bà Bùi Thị X.

2. Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết

3. Về chia tài sản chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Ông Trần Ngọc K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng ông K đã nộp tại biên lai số 0001312 ngày 14 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Ông Trần Ngọc K và bà Bùi Thị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình; (GCNKH số 45 ngày 15/9/1983).
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)